**Phụ lục 14**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số: /2020 /TT-BGTVT ngày tháng năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

**NIÊM YẾT THÔNG TIN TRÊN XE Ô TÔ TẢI, Ô TÔ ĐẦU KÉO,**

 **RƠ MOÓC, SƠ MI RƠ MOÓC**

**I. Xe ô tô tải**

a) Vị trí: Trên cánh cửa xe

b) Nội dung:

- TÊN ĐƠN VỊ VẬN TẢI (chữ in hoa)

- Số điện thoại:

*Khối lượng hàng chuyên chở cho phép tham gia giao thông (tấn)*

*Khối lượng bản thân (tấn)*

*Khối lượng toàn bộ cho phép tham gia giao thông (tấn)*

(khung bao ngoài có thể bố trí dạng hình chữ nhật, hình tròn hoặc bán nguyệt)

**II. Xe ô tô đầu kéo**

a) Vị trí: Trên cánh cửa xe

b) Nội dung:

- TÊN ĐƠN VỊ VẬN TẢI (chữ in hoa)

- Số điện thoại:

 *Khối lượng hàng chuyên chở cho phép tham gia giao thông (tấn)(1)*

*Khối lượng bản thân (tấn)*

*Khối lượng toàn bộ cho phép kéo theo (tấn)*

(khung bao ngoài có thể bố trí dạng hình chữ nhật, hình tròn hoặc bán nguyệt)

(1): Khối lượng toàn bộ của sơ mi rơ moóc phân bố lên cơ cấu kéo (mâm xoay).

**III. RƠ MOÓC, SƠ MI RƠ MOÓC**

a) Vị trí:

* Trường hợp rơ moóc và sơ mi rơ moóc có thành thùng chở hàng: Mặt ngoài hai bên thành thùng
* Trường hợp rơ moóc và sơ mi rơ moóc không có thành thùng chở hàng: Niêm yết thông tin trên bảng bằng kim loại được gắn với khung xe tại vị trí dễ quan sát bên cạnh hoặc phía sau.

b) Nội dung, hình thức:

- Kích thước:

Chiều dài: Ddài = 400 mm ± 50 mm

Chiều rộng: Crộng = 300 mm ± 50 mm

- TÊN ĐƠN VỊ VẬN TẢI (chữ in hoa)

- Số điện thoại:

 *Khối lượng hàng chuyên chở cho phép tham gia giao thông (tấn)*

*Khối lượng bản thân (tấn)*

*Khối lượng toàn bộ cho phép tham gia giao thông (tấn)*